

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2020/HS-ST
Ngày: 09-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga.
2. Bà Nguyễn Thị Vạn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lại Thế Mạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 225/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2020/HSST-QĐ ngày 03/12/2020, đối với bị cáo:

Phạm Kim L, sinh năm 1970, tại Bến Tre; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Phú S, xã Ngãi Đ, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre; chỗ ở: 171/113 Đoàn Thị Đ, khu phố Bình Đ3, phường An B, thành phố Dĩ A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn K và bà Lê Thị S; có vợ (đã ly hôn) và 02 con lớn nhất sinh năm 1989 và nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án: Ngày 13/12/2005, bị Tòa án nhân dân thị xã Trà V, tỉnh Trà Vinh xử phạt 05 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 64/2005/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/10/2009, chưa nộp án phí và bồi thường dân sự; tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

* ***Bị hại:*** Ông Ung Ngọc Th, sinh năm 1974 – Vắng mặt.

Nơi cư trú: Số A13/11 ấp 2A, xã Bình H, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 5 năm 2015, Phạm Kim L và Cao Hoàng T xin vào làm việc tại đại lý bia, nước ngọt “Ánh M”, địa chỉ A13/11 Ấp 2A, xã Bình H, huyện Bình Ch do anh Ung Ngọc Th làm chủ. Công việc của L là tài xế chở hàng đi giao cho các đại lý rồi thu tiền về nộp lại cho anh Th, còn T làm phụ xe và khuân vác hàng.

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 25/11/2015, anh Th giao cho L và T chở 408 thùng nước giải khát Numberone và 408 thùng nước giải khát Dr.Thanh kèm theo hàng khuyến mãi giao cho đại lý “Thanh H”, địa chỉ: 19 Nguyễn Văn T1, ấp 1, xã Long Th1, huyện Nhà B, Thành phố Hồ Chí Minh do anh Nguyễn Hữu Th2 làm chủ. Anh Th đưa cho L 01 tờ Hóa đơn bán lẻ để thu tiền của anh Th2 về nộp lại cho anh Th. L và T điều khiển xe đi giao hàng đến khoảng 15 giờ 10 phút thì giao hàng xong cho đại lý “Thanh H”. L đưa tờ hóa đơn thu tiền cho anh Th2 và nhận số tiền 144.024.000 đồng, còn T ở ngoài giữ xe. Sau khi nhận tiền xong, L chia tiền làm 03 phần rồi để vào 02 bên túi quần và phía trước bụng rồi điều khiển xe chở T về. Cả hai về đến cây xăng Hiệp Hòa trên đường Nguyễn Văn L thuộc ấp 1A, xã Bình H, huyện Bình Ch, do tuyến đường vào đại lý “Ánh M” cấm xe tải lưu thông theo khung giờ nên L đậu xe tại đây. L nói với T ở lại giữ xe, còn L đem tiền về nộp cho đại lý. Trên đường về đại lý, L nhận được điện thoại của một người bạn gái tên D (không rõ lai lịch) nói cho L biết D đang bị thiếu nợ giang hồ 78.000.000 đồng và đang bị giang hồ bao vây đòi nợ, do D là bạn gái L lúc bấy giờ và lo sợ cho D nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 144.024.000 đồng của anh Th để giúp đỡ D và tiêu xài cá nhân. Lúc này, L không đem số tiền 144.024.000 đồng về cho anh Th mà tắt điện thoại, bỏ trốn, đưa cho D 78.000.000 đồng để trả nợ (L không nói cho D biết số tiền này do phạm tội mà có). Sau đó L mua 01 chiếc xe máy và sống lang thang ở nhiều nơi không cố định và tiêu xài hết số tiền còn lại. Anh Th và T đã đi tìm L nhưng không liên lạc được nên anh Th đến Công an xã trình báo. Công an xã Bình H tiếp nhận sự việc, lập hồ sơ ban đầu và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh điều tra, xử lý.

Ngày 22/01/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và ra Thông báo truy tìm đối với Phạm Kim L. Đến ngày 05/8/2019, Cơ quan Công an đã tìm được L và đưa về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan điều tra, L khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt số tiền 144.024.000 đồng của anh Th rồi bỏ trốn như nội dung nêu trên, phù hợp với lời khai của người bị hại, nhân chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 204/CT-VKS ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Kim L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa:

1. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 140, điểm b và điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo L với mức án từ 04 năm đến 05 năm tù. Ghi nhận bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại. Lưu hồ sơ một hóa đơn bán lẻ do bị hại cung cấp.

2. Bị cáo Phạm Kim L khai nhận hành vi như trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]- Xét thấy lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, vật chứng của vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy đủ cơ sở xác định vào ngày 25/11/2015 bị cáo Phạm Kim L lợi dụng sự tin tưởng của ông Ung Ngọc Th khi ông Th yêu cầu bị cáo đi giao 408 thùng nước giải khát Numberone, 408 thùng nước giải khát Dr.Thanh cho đại lý Thanh H và nhận số tiền 144.024.000 đồng về giao lại cho ông Th. Tuy nhiên, sau khi nhận được số tiền 144.024.000 đồng bị cáo không mang tiền về giao lại cho ông Th mà chiếm đoạt rồi bỏ trốn và sử dụng số tiền này để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

[2]- Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vì tham lam, vụ lợi, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[3]- Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Phạm Kim L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[4]- Xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 13/12/2005, bị Tòa án nhân dân thị xã Trà V, tỉnh Trà Vinh xử phạt 05 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 64/2005/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/10/2009, chưa nộp án phí và chưa bồi thường phần dân sự. Tính đến lần phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một khoảng thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5]- Tuy nhiên, xét thấy tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng đã chiếm đoạt. Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại; đồng thời, bị hại cũng đã làm đơn bãi nại cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm b và điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6]- Về vật chứng vụ án là: 01 tờ hóa đơn bán lẻ do bị hại cung cấp được lưu trong hồ sơ vụ án nên tiếp bảo lưu hồ sơ vụ án.

[7]- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được một phần tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8]- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9]- Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về tội danh, hình phạt đối với bị cáo cũng như giải quyết phần dân sự.

[10]- Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng và đầy đủ các hành vi, quyết định tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 140, điểm b và điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử phạt bị cáo: **Phạm Kim L 04 (Bốn) năm tù** về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về vật chứng của vụ án: Bảo lưu hồ sơ vụ án 01 (một) tờ hóa đơn bán lẻ do bị hại cung cấp.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân H. Bình Chánh (1);
- Công an huyện Bình Chánh (2);
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Bình Chánh (1);
- PC53- Công an TP.HCM (1);
- Sở Tư pháp TP.HCM (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Lưu VP, hồ sơ (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Huyền

